

Số /BC-UBND

Sơn Thủy, ngày tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. UBND xã Sơn Thủy báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2026 như sau:

PHẦN 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất qua gần 1 năm 9 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Qua gần 1 năm 9 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, UBND xã đã tập trung chỉ đạo, gắn rõ mục tiêu, chỉ tiêu với nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Duy trì cơ chế theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống báo cáo trực tuyến của Trung ương và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của hệ thống Trung ương. Một số kết quả nổi bật bước đầu như sau:

- Việc cập nhật số liệu trực tuyến trên Hệ thống giám sát Nghị quyết 57-NQ/TW của Trung ương được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ; đến thời điểm báo cáo, UBND xã đã hoàn thành **34/34** nhiệm vụ trên hệ thống và báo cáo các kỳ theo yêu cầu.

- Phong trào Bình dân học vụ số tiếp tục được triển khai sâu rộng trên địa bàn xã: đã tổ chức 01 hội nghị phát động, tập huấn nâng cao kỹ năng số và 03 lớp tập huấn về sử dụng Hệ thống văn bản điều hành, chữ ký số, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ; thu hút **3.313** học viên đăng ký tham gia (gồm 229 cán bộ, công chức, viên chức và 3.084 người dân), đạt tỷ lệ **28,05%** dân số, xếp hạng thứ **24/96** xã trên toàn tỉnh.

- Triển khai trong cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp kỹ năng số trên cổng Bình dân học vụ số tại địa chỉ <https://onetouch.mic.gov.vn/>, tham gia cuộc thi tìm hiểu trực tuyến về Nghị quyết 57-NQ/TW do tỉnh tổ chức (<https://timhieunq57.quangngai.gov.vn/>) có 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc khối Đảng, khối chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị, xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập tham gia và đạt giấy chứng nhận hoàn thành.

- Công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tiếp tục được duy trì hiệu quả: lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã giải quyết xong **2.796** hồ sơ, trong đó giải quyết đúng hạn **2.738** hồ sơ, đạt tỷ lệ **97,93%**; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt **99,40%** (499/502 hồ sơ), hồ sơ trực tuyến một phần đạt **99,07%** (1.910/1.928 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ được số hóa đạt **100%**; tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp thanh toán trực tuyến đạt **100%** (05/05 thủ tục); mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đạt **18/18** điểm, tỷ lệ **100%**, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho người dân.

- Công tác chuyển đổi số phục vụ người dân tiếp tục có chuyển biến rõ nét: tính đến ngày 15/9/2026, toàn xã đã đăng ký định danh điện tử cho **9.647** công dân, kích hoạt định danh điện tử mức 2 cho **8.834** công dân, đạt tỷ lệ **91,57%** trên tổng số tài khoản đã được cấp.

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW

Chuyển biến quan trọng nhất là nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt. Việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số ngày càng trở nên phổ biến; người dân chủ động hơn trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và ứng dụng công nghệ trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

Tính đến nay 9 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã tiếp nhận, xử lý **14.174** văn bản đến (đã chuyển thực hiện **14.062** văn bản, đạt tỷ lệ **99,21%**), phát hành **4.136** văn bản đi, trong đó **3.851** văn bản liên thông và **285** văn bản nội bộ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử có ký số chuyên dùng đạt **100%** (trừ văn bản Mật).

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ. Kinh phí dành cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế so với yêu cầu thực tế.

- Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi và người dân ở khu vực nông thôn, miền núi còn hạn chế; việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và ứng dụng số trong đời sống chưa thực sự đồng đều. Việc thay đổi thói quen từ phương thức truyền thống sang môi trường số cần thêm thời gian và sự hỗ trợ thường xuyên từ các cơ quan, đơn vị và Tổ công nghệ số cộng đồng.

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy, sự hỗ trợ về chuyên môn của các sở, ban ngành của tỉnh, UBND xã đã tập trung chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm.

Đảng ủy, UBND xã đã ban hành các kế hoạch tổ chức thực hiện: Kế hoạch số 14-KH/ĐU ngày 02/10/2025 của Đảng ủy về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 10/01/2026 thực hiện Kế hoạch hành động số 359-KH/TU nêu trên trên địa bàn xã Sơn Thủy năm 2026; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 31/3/2026 về Chuyển đổi số xã Sơn Thủy năm 2026; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 28/4/2026 về Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Sơn Thủy; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 31/5/2026 về hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 14/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 06/5/2026 về chuyển đổi số xã Sơn Thủy giai đoạn 2026-2030.

Từ tháng 8/2026 đến nay, UBND xã tiếp tục ban hành thêm 04 kế hoạch để cụ thể hóa, đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW: Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 05/8/2026 về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Sơn Thủy; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 14/8/2026 về triển khai Chương trình đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Sơn Thủy; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/8/2026 về triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục đẩy mạnh Phong trào Bình dân học vụ số trên địa bàn xã Sơn Thủy; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 25/8/2026 về phát triển hạ tầng số xã Sơn Thủy giai đoạn 2026 - 2030. Ban Chỉ đạo xã duy trì cơ chế họp định kỳ; các hệ thống ứng dụng dùng chung vận hành cơ bản ổn định; cán bộ, công chức ở xã duy trì sử dụng, phát huy hiệu quả việc khai thác.

Sử dụng các hệ thống dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp, bảo đảm xử lý hồ sơ công việc và hồ sơ thủ tục hành chính chủ yếu trên môi trường số; tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt mức cao, góp phần giảm thời gian, giảm đi lại cho người dân và doanh nghiệp; đẩy nhanh làm sạch cơ sở dữ liệu nền tảng; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử và các tiện ích số phục vụ người dân.

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng các kế hoạch để triển khai thực hiện; các hệ thống dùng chung của các bộ ngành Trung ương, của tỉnh như việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

2. Về hoàn thiện thể chế chính sách

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện

- UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn nghiêm túc tổ chức quán triệt, rà soát và thực thi hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm bảo đảm tính thống nhất, thông suốt khi áp dụng tại địa phương.

- Triển khai nghiêm túc công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ. Thông qua việc rà soát, địa phương kịp thời cập nhật các quy định mới, lồng ghép vào Kế hoạch cải cách hành chính và Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của xã để tổ chức thực hiện đúng quy định.

- Thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ thường xuyên được giao tại các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh; chủ động rà soát, tổng hợp các điểm nghẽn từ thực tế triển khai (như hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng, việc vận hành Trang thông tin điện tử) để kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung các cơ chế hỗ trợ phù hợp với đặc thù xã miền núi.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Việc nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản cơ chế, chính sách của cấp trên đôi lúc còn chưa sâu, chủ yếu tập trung vào các quy định liên quan trực tiếp đến thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.3. Nguyên nhân

Lực lượng chuyên môn tại địa phương còn mỏng, chưa có công chức phụ trách công tác khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin (xã đang hợp đồng một nhân viên công nghệ thông tin). Điều này dẫn đến việc khó trong triển khai và đề xuất mang tính đột phá về mặt cơ chế từ cơ sở.

II. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh tại cơ quan được tạo lập, luân chuyển và xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử. Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử có ký số chuyên dùng công vụ đạt 100% (trừ văn bản Mật).

- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026 (số liệu tính đến ngày 14/9/2026), toàn xã đã giải quyết xong **2.796** hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó giải quyết đúng hạn **2.738** hồ sơ, đạt tỷ lệ **97,93%**; tiếp nhận 09 phản ánh, kiến nghị về quy định thủ tục hành chính, đã giải quyết xong 09/09, đạt tỷ lệ **100%**.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện đạt **100%** (10/10 dịch vụ); tỷ lệ dịch vụ công có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình và một phần) đạt **100%** (19/19 dịch vụ); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt **99,40%** (499/502 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần đạt **99,07%** (1.910/1.928 hồ sơ); tỷ lệ thủ tục hành chính được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến đạt **100%** (05/05 thủ tục có yêu cầu nghĩa vụ tài chính).

- Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân: từ sau khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, UBND xã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trên hệ thống đạt mức **18/18** điểm, tỷ lệ **100%**. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tiếp tục là đầu mối thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính; các phòng chuyên môn trực thuộc UBND xã là cơ quan tham mưu giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng thời hạn và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: trên cơ sở Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND xã về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn xã, UBND xã Sơn Thủy đã triển khai công tác rà soát, đánh giá và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành.

+ Tổng số TTHC được rà soát: 412 thủ tục.

+ Số lượng TTHC được đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: 0 thủ tục.

+ Số lượng TTHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa: 0 thủ tục.

+ Số lượng TTHC đã được thực thi sau phê duyệt: 412 thủ tục.

- Kết quả triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC. UBND xã duy trì việc khai thác, sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- Việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VNeID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan: UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ. Tính đến ngày 15/9/2026, toàn xã đã thực hiện đăng ký định danh điện tử cho **9.647** công dân; kích hoạt định danh điện tử mức 2 cho **8.834** công dân, đạt tỷ lệ **91,57%** trên tổng số tài khoản đã được cấp, cơ bản hoàn thành chỉ tiêu phấn đấu 90% người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 đã đề ra.

- Đánh giá kết quả đạt được: so với đầu năm 2025, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi hơn cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử góp phần giảm hồ sơ giấy, giảm số lần đi lại, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Công tác liên thông, tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh, hạn chế việc người dân phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu.

2. Về hạ tầng số, nền tảng số và an toàn thông tin

- Kết quả phủ sóng di động; xử lý các điểm lốm sóng:

+ Tỷ lệ phủ sóng 4G trên địa bàn xã đạt 95%.

+ Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 30% dân số.

+ UBND xã đã tổ chức rà soát, qua đó trên địa bàn xã có 04 điểm lốm sóng, tuy nhiên không gây ảnh hưởng nhiều đến việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Việc bảo đảm hạ tầng số, trang thiết bị phục vụ cho chuyển đổi số:

+ Toàn xã hiện có **49** máy tính (đáp ứng **94,2%** nhu cầu, còn thiếu 03 chiếc) và **32** máy in (đáp ứng **88,9%**, còn thiếu 04 chiếc); riêng 08 máy quét tài liệu (gồm 07 máy tốt và 01 máy hết khấu hao chờ thanh lý), mức độ đáp ứng **66,7%**, còn thiếu 04 chiếc so với nhu cầu.

+ Hạ tầng mạng và truyền dẫn gồm 01 thiết bị mạng (switch/router/Wi-Fi, đang cần nâng cấp), 01 đường truyền Internet/mạng truyền số liệu chuyên dùng và 04 hệ thống mạng nội bộ (LAN), mức độ đáp ứng đạt 100% so với nhu cầu.

+ Xã chưa được trang bị thiết bị lưu trữ dữ liệu (SAN/NAS), máy chủ vật lý, nền tảng điện toán đám mây/ảo hóa, hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) riêng; hiện có 01 thiết bị bảo mật (Firewall/IPS-IDS) đang cần nâng cấp để đáp ứng điều kiện làm hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 2, còn lại sử dụng hạ tầng, nền tảng bảo mật dùng chung của UBND xã và của tỉnh.

+ Nhóm thiết bị chuyên dụng khác gồm 02 bộ thiết bị phục vụ họp trực tuyến (đáp ứng **100%**), 05 bộ trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa (đáp ứng **100%**) và 04/07 bộ thiết bị phục vụ dịch vụ công trực tuyến (đáp ứng **57,1%**, còn thiếu 03 bộ, gồm máy POS thanh toán, máy đọc căn cước công dân gắn chip và máy photocopy).

- Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận Một cửa), đơn vị được trang bị 01 hệ thống Kiosk lấy số tự động (tích hợp màn hình, máy vi tính, máy in, đầu đọc mã QR, đầu đọc căn cước công dân gắn chip, camera, máy scan), 09 máy vi tính, 04 máy quét tài liệu, 01 hệ thống màn hình thông tin (màn hình số thứ tự 55 inch, màn hình chung 75 inch và 06 màn hình LED tại quầy), 01 hệ thống âm thanh và 01 phần mềm điều khiển trung tâm, gọi số; hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm đã hoàn thành 16/16 tiêu chí (đạt tỷ lệ 100%).

- 100% máy vi tính chuyên môn được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền, quản lý tập trung do Công an tỉnh cung cấp, bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc cho hệ thống.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được UBND xã bố trí gồm hệ thống trang thiết bị như màn hình, micro, máy tính, đường truyền internet,... đáp ứng nhu cầu nâng cao hiệu quả việc tổ chức các cuộc họp, giảm chi phí di chuyển và tiết kiệm về thời gian, bảo đảm kết nối liên thông 03 cấp Trung ương, tỉnh, xã; UBND xã đã bố trí 02 đường truyền dữ liệu số chuyên dùng để phục vụ các cuộc họp trực tuyến do tỉnh, Trung ương tổ chức.

3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung

- UBND xã đang khai thác, sử dụng **12** hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, gồm nhóm dùng chung của tỉnh (Hệ thống quản lý văn bản và điều hành - iOffice, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Trang thông tin điện tử xã, Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia) và nhóm chuyên ngành (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư - VNeID/VDC06, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội - VssID, Cổng giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, Dữ liệu hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính); các hệ thống đã hoàn thiện, kết nối một phần hoặc toàn bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/NDXP), bảo đảm an toàn thông tin, trong kỳ không phát sinh sự cố.

- Tính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/9/2026, UBND xã đã tiếp nhận, xử lý **14.174** văn bản đến (đã chuyển thực hiện **14.062** văn bản, đạt tỷ lệ **99,21%**), phát hành **4.136** văn bản đi, trong đó **3.851** văn bản liên thông và **285** văn bản nội bộ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); tỷ lệ kết nối, liên thông Hệ thống quản lý văn bản điều hành giữa UBND xã với UBND tỉnh đạt **100%**; tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (ký số, gửi nhận trên môi trường điện tử) của UBND xã đạt **100%**.

- So với đầu năm 2025, việc khai thác, sử dụng các nền tảng số ngày càng thường xuyên, hiệu quả hơn; tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, tổ chức.

4. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- UBND xã được giao 01 biên chế, vị trí việc làm phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện còn thiếu 01 người so với vị trí được phê duyệt, chưa bố trí được biên chế chính thức đúng chuyên ngành (nguyên nhân chủ yếu do lực lượng chuyên môn tại địa phương còn mỏng, chưa có công chức phụ trách đúng chuyên ngành khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin); để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, xã đã bố trí 01 lao động hợp đồng có trình độ chuyên môn phù hợp thực hiện công tác này, đạt tỷ lệ tập huấn, bồi dưỡng 100% (01/01 người).

- So với đầu năm 2025, nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn đã được nâng lên rõ rệt. Công tác đào tạo, tập huấn được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao khả năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc, học tập và đời sống. Đến nay, 100% cán bộ, công chức của xã đã được tiếp cận, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản theo yêu cầu, góp phần đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

(Có Phụ lục kèm theo).

5. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

- UBND xã khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng các hình thức như Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử, trên các nền tảng mạng xã hội,... Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức, trang bị kỹ năng làm lực lượng nòng cốt cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phong trào Bình dân học vụ số tiếp tục lan tỏa, thu hút **3.313** học viên đăng ký tham gia học tập kỹ năng số trên nền tảng trực tuyến tại Cổng Bình dân học vụ số tỉnh Quảng Ngãi do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, đạt tỷ lệ **28,05%** dân số, xếp hạng thứ **24/96** xã toàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực hướng dẫn người dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 và các tiện ích số căn bản; tính đến ngày 15/9/2026, đã hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử mức 2 cho **8.834/9.647** tài khoản đã được cấp, đạt tỷ lệ **91,57%**.

6. Về tài chính, kinh phí

- UBND xã đã quan tâm bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

- Năm 2026, tổng dự toán kinh phí bố trí thực hiện các nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là **1.656.000.000 đồng**; đã phân bổ **1.656.000.000 đồng**; đã giải ngân **1.652.725.000 đồng**, đạt tỷ lệ **99,80%** dự toán được giao; kinh phí bị hủy (do chênh lệch giữa dự toán và giá trị hợp đồng thực tế) là 3.275.000 đồng.

- Nguồn kinh phí được sử dụng để duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính, tuyên truyền, tập huấn và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo kế hoạch của địa phương.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thành tựu và thay đổi đột phá đã đạt được

Sau gần 1 năm 9 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng cao; các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Các chỉ tiêu về hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, tái sử dụng dữ liệu đạt kết quả tích cực; kết quả tự chấm điểm thực hiện chuyển đổi số theo Bộ chỉ số KPI đạt **93/100** điểm. Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng; các mô hình ứng dụng AI, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; hạ tầng số chưa thực sự đồng bộ; trình độ, kỹ năng số của người dân còn chưa đồng đều. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

2. Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

Từ thực tiễn kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, phát huy vai trò, trách nhiệm và tính gương mẫu của người đứng đầu, chất lượng tham mưu của đội ngũ cán bộ công chức ở từng cơ quan, đơn vị, tăng cường công tác phối hợp với Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị viễn thông trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Hai là, gắn kết chặt chẽ, lồng ghép khoa học tiến trình chuyển đổi số với nhiệm vụ cải cách hành chính và các mục tiêu chiến lược của Đề án 06. Không thể thực hiện chuyển đổi số một cách tách rời, mà phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng và tiện ích của người dân làm thước đo chính xác nhất cho hiệu quả cải cách quy trình thủ tục.

Ba là, thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện theo định kỳ; kịp thời phát hiện các sai sót, vướng mắc để có biện pháp chấn chỉnh, tháo gỡ điểm nghẽn ngay từ bước triển khai, không để tồn đọng kéo dài.

PHẦN 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

Ứng dụng AI trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức

- Vấn đề giải quyết: Trí tuệ nhân tạo (AI) là công nghệ mới, có tiềm năng ứng dụng rộng rãi trong các hoạt động của đời sống, đặc biệt là phục vụ đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Tuy nhiên, một bộ phận công chức, viên chức chưa hiểu rõ về AI và cách khai thác các công cụ AI phục vụ nhu cầu công việc.

- Giải pháp thực hiện: UBND xã chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công chức tiếp cận các công cụ trí tuệ nhân tạo phổ biến; thực hành sử dụng AI để tìm kiếm thông tin, hỗ trợ học tập, xây dựng nội dung thực hiện. Việc triển khai được thực hiện theo hướng thực hành trực tiếp trên điện thoại thông minh, máy tính giúp cán bộ, công chức dễ tiếp cận và có thể áp dụng ngay.

- Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực đã sử dụng: triển khai trong khuôn khổ phong trào Bình dân học vụ số; sử dụng điện thoại thông minh, kết nối internet và các nền tảng AI phổ biến hiện nay triển khai cho cán bộ, công chức thực hiện.

- Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai: thường xuyên trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

- Kết quả định lượng: sử dụng các công cụ AI cơ bản trên điện thoại thông minh, máy tính và được hướng dẫn ứng dụng AI trong thực hiện nhiệm vụ giúp đội ngũ cán bộ, công chức làm việc linh hoạt, tiếp cận nhiều định hướng đề áp dụng trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế: mô hình góp phần đưa công nghệ mới đến gần hơn với cán bộ, công chức; nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khả năng tiếp cận các thành tựu khoa học công nghệ mới. Thông qua việc ứng dụng AI, giúp đội ngũ cán bộ, công chức có thêm công cụ hỗ trợ tiếp cận thông tin, nâng cao kiến thức, từng bước áp dụng vào công việc và đời sống.

- Bài học và điều kiện nhân rộng; đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng: việc phổ cập AI cho người dân cần thực hiện theo hướng đơn giản, dễ hiểu, gắn với nhu cầu thực tế hằng ngày. Khi nhân rộng cần tăng cường tuyên truyền về sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm; phải kiểm chứng thông tin, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả do AI tạo ra.

- Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá: Lãnh đạo UBND xã trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai và theo dõi kết quả thực hiện.

PHẦN 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

Nhìn chung, các nhiệm vụ, hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn được triển khai gắn với nhu cầu thực tế, không có nội dung chỉ dừng ở việc hoàn thành thủ tục hoặc báo cáo mà không tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, ở một số nội dung tuyên truyền, tập huấn chuyển đổi số,

mức độ tiếp cận và khả năng ứng dụng thực tế của cán bộ, công chức và người dân còn chưa đồng đều; một bộ phận người dân vẫn cần được hỗ trợ khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số, do đó hiệu quả khai thác sau tập huấn chưa thực sự đồng đều giữa các nhóm đối tượng.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

Căn cứ các chỉ tiêu được theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống báo cáo trực tuyến của Trung ương, UBND xã không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND xã liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, kết quả đã hoàn thành **34/34** nhiệm vụ.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Cấp xã chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn và chỉ đạo của cấp trên; chưa có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù để chủ động thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Một số nhiệm vụ mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần sự hướng dẫn, hỗ trợ đồng bộ từ các cơ quan chuyên môn cấp trên trong quá trình tổ chức thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu do thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuộc cấp trên; cụ thể hóa các nhiệm vụ tại xã còn lúng túng, chưa cụ thể.

Trách nhiệm của các bên liên quan: các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ triển khai; địa phương chủ động tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu; xã mới bố trí được 01 lao động hợp đồng, chưa có công chức đúng chuyên ngành theo vị trí việc làm được phê duyệt. Một số nhóm thiết bị chưa đáp ứng đủ nhu cầu: máy quét tài liệu đáp ứng **66,7%**, thiết bị phục vụ dịch vụ công trực tuyến đáp ứng **57,1%**; xã chưa được trang bị thiết bị lưu trữ dữ liệu (SAN/NAS), máy chủ vật lý, nền tảng điện toán đám mây, hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) riêng mà còn phụ thuộc vào hạ tầng dùng chung. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

Một số hệ thống, nền tảng số trong quá trình sử dụng đôi khi còn xảy ra tình trạng quá tải hoặc lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc tại cơ sở.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư còn hạn chế; một số hệ thống dùng chung được triển khai trên phạm vi rộng, số lượng người dùng lớn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số; các cơ quan chuyên môn, đơn vị quản trị hệ thống tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng và các nền tảng dùng chung.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã chủ yếu tập trung vào ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn, thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số; chưa hình thành các mô hình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn nhân lực trình độ năng lực còn hạn chế; chưa đề xuất tham mưu các mô hình mới; địa phương luôn tạo điều kiện các doanh nghiệp về khoa học công nghệ thực hiện đầu tư tại xã, tuy nhiên chưa có doanh nghiệp đăng ký thực hiện; nguồn kinh phí địa phương còn hạn chế.

Trách nhiệm của các bên liên quan: các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; địa phương tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân người dân ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, trong hoạt động của cơ quan hành chính.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Địa phương là xã miền núi, điều kiện kinh tế còn khó khăn, mặc dù tỷ lệ giải ngân kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 đạt **99,80%** dự toán được giao, nhưng quy mô kinh phí (1.656.000.000 đồng) còn nhỏ so với nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

Nguyên nhân chủ yếu do khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: địa phương chủ động sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

Mặc dù đã bố trí hợp đồng nhân viên công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tuy nhiên trình độ chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn nhiều khó khăn; việc tiếp cận, cập nhật kiến thức chuyên môn đối với các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và chuyển đổi số chuyên sâu chủ yếu thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

Nguyên nhân chủ yếu: do là xã miền núi đặc biệt khó khăn nên chưa có điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Trách nhiệm của các bên liên quan: địa phương tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn cấp trên tăng cường tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ cơ sở.

7. Các vấn đề khác có liên quan (Không).

PHẦN 4

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và Dịch vụ công trực tuyến

- Nhiệm vụ: Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo kế hoạch đã ban hành; duy trì cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường hướng dẫn người dân tự tạo tài khoản, thao tác nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Mục tiêu, kết quả đạt được: duy trì tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn trên 97%; duy trì 100% hồ sơ được số hóa; phấn đấu nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình.

- Thời hạn hoàn thành: thực hiện xuyên suốt đến tháng 12/2026.

2. Phát triển Công dân số và triển khai Đề án 06

- Nhiệm vụ: tiếp tục rà soát, hướng dẫn kích hoạt định danh điện tử mức 2 cho số công dân chưa kích hoạt (còn **813/9.647** tài khoản đã cấp chưa kích hoạt, tính đến ngày 15/9/2026); hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử và các kỹ năng bảo vệ an toàn thông tin cá nhân cơ bản.

- Cơ quan chủ trì: Công an xã (chủ trì mảng VNeID và quản lý cư trú) và Trạm Y tế xã (chủ trì mảng Sổ sức khỏe điện tử).

- Cơ quan phối hợp: Tổ công nghệ số cộng đồng làm nòng cốt thực thi, phối hợp cùng Ủy ban MTTQVN xã và các trường học trên địa bàn (tuyên truyền phụ huynh, học sinh).

- Mục tiêu, kết quả đạt được: duy trì tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2 trên **90%** tổng số tài khoản đã được cấp; hoàn thành các chỉ tiêu cốt lõi trong quý IV/2026.

- Thời hạn hoàn thành: hoàn thành các chỉ tiêu cốt lõi trong quý IV/2026 và duy trì đến hết năm.

3. Phát triển Kinh tế số, Xã hội số

- Nhiệm vụ: Triển khai thanh toán quét mã QR, chuyển khoản tại các cơ sở kinh doanh, trường học. Đẩy mạnh chi trả trợ cấp an sinh xã hội qua tài khoản ngân hàng.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: các trường học và Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Mục tiêu, kết quả đạt được: 50% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng; 100% đối tượng chính sách đủ điều kiện được nhận trợ cấp qua tài khoản.

- Thời hạn hoàn thành: tháng 12/2026.

4. Quản trị nội bộ, Hạ tầng số và An toàn thông tin

- Nhiệm vụ: Duy trì 100% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng. Nâng cấp thiết bị mạng (switch/router/Wi-Fi) và thiết bị bảo mật (Firewall/IPS-IDS) đáp ứng điều kiện an toàn thông tin cấp độ 2; xây dựng và triển khai phương án mua sắm, đề xuất bổ sung thiết bị lưu trữ dữ liệu (SAN/NAS), 03 bộ thiết bị phục vụ dịch vụ công trực tuyến còn thiếu (máy POS, máy đọc căn cước công dân gắn chip, máy photocopy) và các thiết bị đầu cuối còn thiếu (03 máy tính, 04 máy in, 04 máy quét tài liệu).

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

- Cơ quan phối hợp: Công an xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Phòng Kinh tế.

- Mục tiêu, kết quả đạt được: 100% văn bản đi/đến (trừ văn bản Mật) sử dụng chữ ký số chuyên dùng; 100% máy tính làm việc an toàn, không nhiễm mã độc.

- Thời hạn hoàn thành: quý IV/2026.

5. Về công tác Thông tin, Tuyên truyền

- Nhiệm vụ: Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 14/8/2026 về truyền thông chuyển đổi số và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/8/2026 về đẩy mạnh Phong trào Bình dân học vụ số. Vận hành Trang thông tin điện tử xã, hệ thống loa truyền thanh xã tuyên truyền về chuyển đổi số và kết quả Phong trào Bình dân học vụ số.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công; Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị.

- Mục tiêu, kết quả đạt được: phát thanh định kỳ hằng tuần, lan tỏa nhận thức đến 100% các cụm dân cư.

- Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với các cơ quan Trung ương: đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở, nhất là các xã miền núi, đặc biệt khó khăn.

2. Đối với UBND tỉnh: đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cấp xã; tiếp tục chỉ đạo nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở; nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường.

3. Đối với Công an tỉnh và các sở, ngành, cơ quan có liên quan: đề nghị Công an tỉnh tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ về Đề án 06, định danh điện tử VNeID và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho cấp xã; các sở, ngành chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nhân lực.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quý IV năm 2026, UBND xã Sơn Thủy kính báo cáo. *./.* 

Nơi nhận:

- Công an tỉnh Quảng Ngãi (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy xã (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Công an xã;
- Ban CHQS xã;
- BCĐ phát triển KHCN, ĐMST, CDS và ĐA 06 xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Phúc

Phụ lục**VIỆC BỔ TRÍ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Sơn Thủy)

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bổ trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bổ trí đủ	Ghi chú
1	01	00	01	Hiện tại xã chưa có cán bộ, công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin để bổ trí vào biên chế được giao.	Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số, UBND xã đã bổ trí 01 nhân viên hợp đồng chuyên trách phụ trách công tác chuyển đổi số.